TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ–ST.
Ngày: 29/3/2024.
V/v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Ba.
2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 869/2023/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị G, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 12, ấp Tập Phước, xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 12, ấp Tập Phước, xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Bà G và ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị G trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông Vũ Văn T là vợ chồng, chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An vào năm 2007.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung về mọi lĩnh vực nên thường xuyên cãi vã. Năm 2023, bà G nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, vì muốn cho gia đình có cơ hội đoàn tụ nên bà G rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án số 164/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2023. Tuy nhiên, sau đó mâu thuẫn vợ

chồng trầm trọng hơn. Nay bà G xác định không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung, có 03 con chung:

+ Vũ Trọng H, sinh ngày 14/9/2012.

+ Vũ Phạm Yến V, sinh ngày 09/3/2008.

+ Vũ Trọng S, sinh ngày 04/12/2018.

Nếu ly hôn, bà G yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu H và S; Giao cháu V cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà G trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà G đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Vũ Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý lý vụ án, các văn bản tố khác, triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tống đạt hợp lệ.

Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

– Về nội dung vụ án:

+ Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G. Xử cho bà G được ly hôn ông T.

+ Về con chung: Đề nghị giao 02 cháu Vũ Trọng H, sinh ngày 14/9/2012 và Vũ Trọng S, sinh ngày 04/12/2018 cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Vũ Phạm Yến V, sinh ngày 09/3/2008 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Vũ Văn T có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại tổ 12, ấp Tập Phước, xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà G vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành

xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà G và ông T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An vào năm 2007 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà G trình bày quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung về mọi lĩnh vực nên thường xuyên cãi vã. Năm 2023, bà G đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, vì muốn cho gia đình có cơ hội đoàn tụ nên bà G rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án số 164/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2023. Tuy nhiên, sau đó mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn.

Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông T vắng mặt, không c1o thiện chí đoàn tụ với bà G. Xét thấy, hôn nhân giữa bà G và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G.

[4] Về con chung, có 03 con chung:

+ Vũ Trọng H, sinh ngày 14/9/2012.

+ Vũ Phạm Yến V, sinh ngày 09/3/2008.

+ Vũ Trọng S, sinh ngày 04/12/2018.

Nếu ly hôn, bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu H và S, giao cháu V cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Qúa trình giải quyết vụ án cháu H có nộp bản tự khai trình bày nguyện vọng muốn sống cùng bà G, cháu V có nguyện vọng sống cùng ông T; Ông T không có ý kiến trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 cháu H và S cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu V cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông T không có ý kiến trình bày về phần cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không có ý kiến trình bày nên không xét.

[6] Về nợ chung: Bà G trình bày không có nợ chung, ông T không có ý kiến trình bày nên không xét.

[7] Về án phí: Bà G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 9; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

– Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị G. Xử cho bà Phạm Thị G được ly hôn với ông Vũ Văn T.

– Về con chung:

Giao cháu Vũ Trọng H, sinh ngày 14/9/2012 và Vũ Trọng S, sinh ngày 04/12/2018 cho bà Phạm Thị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Vũ Phạm Yến V, sinh ngày 09/3/2008 cho ông Vũ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

– Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Bà G và ông T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị G chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008021 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, bà G đã nộp xong.

Bà Phạm Thị G và ông Vũ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã Quỳnh Hoa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thùy Trang